

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2019/HNGĐ- ST**

Ngày : 04-7-2019

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Bà Phan Thị Hà**

**2. Ông Phan Trung Thành**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa-** Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà-** Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 35/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Chị Hà Mỹ Q,** sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

**- Bị đơn: Anh Nông Quốc T,** sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị Q có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018 được bổ sung ngày 18/02/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Mỹ Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Nông Quốc T chung sống với nhau từ năm 2016, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 năm mới tiến tới hôn nhân. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 13/01/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Q trình bày không biết anh T chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần rất nhiều. Khi kết hôn với chị Q thì đã dùng tiền đám cưới của vợ chồng để trả nợ riêng cho anh T. Tuy nhiên anh T lại tiếp tục bài bạc nên tiếp tục phát

sinh nợ nần, tiền lương của anh T hàng tháng không đủ trả nợ. Mặc dù chị Q đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi, tiếp tục chơi bời nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi bới xúc phạm nhau, anh T không chăm lo cho vợ con. Ngoài ra anh T hay ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện gây sự làm ảnh hưởng đến công việc của chị Q. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 7/2018 đến nay chị Q và con đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Q trình bày quá trình chung sống chị và anh T có một con chung tên là Nông Quốc K, sinh ngày 04/5/2017. Từ khi vợ chồng ly thân thì chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không thăm con và chu cấp nuôi con. Nay ly hôn chị Q yêu cầu được nuôi con đến khi đủ 18 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị Q trình bày quá trình chung sống chị và anh T không có tài sản chung nào và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Q trình bày chị và anh T không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai 27/02/2019, bị đơn anh Nông Quốc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận về thời gian tìm hiểu, đám cưới và đăng ký kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn là từ tháng 4/2018 do cá nhân anh T nợ nần nhiều nên đã bỏ đi đến tháng 7/2018 thì quay về và tiếp tục công việc dạy học. Anh T cho rằng vì nguyên nhân nợ nần nên chị Q chán nản và đã về mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7/2018 đến nay. Thời gian sống ly thân anh T có đến thăm và gặp chị Q nhưng chị Q không đồng ý quay về. Nay anh T vẫn thương yêu vợ con, vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh T cũng thừa nhận vợ chồng có một con chung là Nông Quốc K, sinh ngày 04/5/2017. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc và nuôi dạy con cái nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh T trình bày quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nào nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự ngày 14/3/2019 nhưng không thành, mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/5/2019 nhưng không được vì chị Q có mặt, anh T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên không có thay đổi gì về lời trình bày trước đây tại Tòa án.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Q, xử cho chị Q và anh T được ly hôn. Về con chung cần xem xét giao con chung là Nông Quốc K, sinh ngày 04/5/2017 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí cần buộc chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh Nông Quốc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

#### **Về nội dung vụ án:**

*{1} Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Mỹ Q và anh Nông Quốc T chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 13/01/2016. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn chị Q trình bày do anh T cờ bạc dẫn đến nợ nần không có khả năng trả. Trong cuộc sống anh T không chăm lo cho vợ con, hay ghen tuông, xúc phạm chị làm ảnh hưởng đến tinh thần và công việc. Chị Q đã có khuyên bảo anh T nhưng anh T không sửa đổi. Từ tháng 7/2018 đến nay vợ chồng đã ly thân không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Anh T cũng thừa nhận có chơi bời dẫn đến nợ nần không có khả năng chi trả nên không lo được cuộc sống gia đình. Tuy nhiên anh T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn đoàn tụ. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị Q và anh T mới tồn tại được thời gian ngắn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đến nay vợ chồng cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Vợ chồng sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, chị Q vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt nên không thể hiện được thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Q và anh T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

*Về con chung:* Xét lời khai của chị Q và anh T, căn cứ bản sao giấy khai sinh chị Q xuất trình cho Tòa án thì hai người có một con chung là Nông Quốc

K, sinh ngày 04/5/2017. Xem xét nguyện vọng nuôi con của chị Q, thực tế từ khi ly thân đến nay chị Q là người đang trực tiếp và có đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi nên cần xem xét giao cho người mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Nông Quốc K, sinh ngày 04/5/2017 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung:* Chị Q và anh T trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử đề cập đến.

*Về nợ chung:* Chị Q và anh T thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Hà Mỹ Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Mỹ Q đối với bị đơn anh Nông Quốc T về việc “Ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Hà Mỹ Q và anh Nông Quốc T được ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao con chung là Nông Quốc K, sinh ngày 04/5/2017 cho chị Hà Mỹ Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.*

**3. Về án phí:** Buộc chị Hà Mỹ Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2016/0012788 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)  
Nguyễn Thị Bích Thủy**









